

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 28/2025/HS-ST.
Ngày 18/02/2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Nam.

Ông Lê Văn Đáng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Hứa Văn Biên, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2025/TLST-HS, ngày 22 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-HS, ngày 04 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Trương Thanh S, sinh ngày 20/6/2004, nơi sinh tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 3/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Đất D, sinh năm 1968 và bà Thạch Thị Sa L, sinh năm 1971; vợ, con chưa có; anh, chị, em ruột gồm có 06 người (kể cả bị cáo), lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2013.

Tiền án:

- Tại bản án số 05/2022/HSST ngày 07/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xử phạt bị cáo Trương Thanh S 02 năm 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

- Tại bản án số 15/2022/HSST ngày 04/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xử phạt bị cáo Trương Thanh S 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 03 năm 03 tháng tù. Bị cáo Trương Thanh S chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/10/2024.

- Đối với lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản, bị cáo được coi là không có án tích (do bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng và tại thời điểm bị kết án bị cáo S chưa đủ 18 tuổi). Đối với lần bị kết án về tội Cướp giật tài sản, bị cáo chưa được xóa án tích (do bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý).

Tiền sự: Không; nhân thân: Xấu. Bị tạm giữ ngày 31/10/2024 đến ngày 03/11/2024 chuyển tạm giam đến nay. Bị cáo có mặt.

2. Bị cáo Trần Tiến P, sinh ngày 10/7/1997, nơi sinh tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Chỗ ở hiện nay: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn E, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1975; vợ tên Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 2001 (đã ly hôn); con có 01 người, sinh năm 2018; anh, chị, em ruột chỉ một mình bị cáo. Tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt. Bị tạm giữ ngày 31/10/2024 đến ngày 03/11/2024 chuyển tạm giam đến nay. Bị cáo có mặt.

Bị hại: Ông Nguyễn Văn Ô, sinh ngày 01/01/1971. Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Chị Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1991. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Anh Ông Văn P1, sinh 20/02/2009. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho anh Ô1 Văn P1: Bà Ông Thị T1, sinh ngày 02/02/1988. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người làm chứng:

- Anh Tăng Ngọc Út E1, sinh ngày 01/01/1976. Vắng mặt, không lý do.

- Bà Kiên Thị Kim N, sinh ngày 01/01/1971. Vắng mặt, không lý do.

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người phiên dịch: Ông Kim Na R, nguyên cán bộ Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện C. Có mặt.

Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa: Một xe mô tô biển số 60C2-166.95, hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh trắng, dung tích xi lanh 134cm³, số khung RLCE55P10DY215973, số máy 55P1215986, không có gương chiếu hậu bên phải và bên trái, chìa khóa cắm sẵn trong ổ khóa xe, xe đã qua sử dụng, bị trầy xước nhiều vị trí .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 30/10/2024, tại nhà anh Tăng Ngọc Út E1 thuộc ấp L, xã L, huyện C tổ chức uống rượu gồm có: Bị cáo Trần Tiến P, Út E1 và Ông Văn

P1, đến khoảng 20 giờ cùng ngày thì bị cáo S đến cùng uống rượu, một lúc sau, do mệt nên Út E1 đi ngủ trước. Đến khoảng 22 giờ đêm cùng ngày bị cáo S rủ bị cáo P và P1 đi trộm gà, tất cả đồng ý. Lúc này, P sử dụng phương tiện của mình là xe mô tô biển số 60C2-166.95, hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh trắng điều khiển chở P1 (ngồi giữa), S (ngồi sau cùng) đi trên đường H hướng xã L đi xã T.

Khoảng 22 giờ 20 phút cùng ngày, khi điều khiển xe đi ngang nhà ông Nguyễn Văn Ô, thuộc ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh thì S, P và P1 đều nhìn thấy xe mô tô biển số 84B1-066.68, hiệu FULJIR, loại Dream, màu nâu của ông Nguyễn Văn Ô đang dựng trước sân nhà, lúc này S nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô của ông Ô nên nói “có chiếc xe kia, ngừng lại để vào lấy cho”, P và P1 đồng ý, do P điều khiển xe chạy qua khỏi nhà ông Ô khoảng hơn 50 mét nên quay xe trở lại và dừng xe sát lề đường nhựa bên phải (*hướng xã T đi xã L*) phía trước sân nhà ông Ô. Khi dừng xe, P và P1 ngồi trên xe chờ, còn S đi bộ vào lấy trộm xe mô tô biển số 84B1-066.68 của ông Ô rồi dẫn ra ngoài đường nhựa, do xe không có chìa khóa, không khởi động máy được nên S ngồi lên xe mô tô vừa trộm được, còn P vừa điều khiển xe mô tô chở P1 ngồi sau, vừa dùng chân đẩy xe mô tô trộm được về nhà anh Út E1. Tại đây, S, P và P1 cùng nhau bứt dây điện, bẻ khóa xe mô tô biển số 84B1-066.68 rồi cất giấu bên hong phải nhà anh Út E1, sau đó P và P1 về nhà P1 ngủ, còn S ngủ lại nhà anh Út E1.

Đến khoảng 06 giờ sáng ngày 31/10/2024, P và S đem xe mô tô trộm được đến bán cho chị Nguyễn Thị Kiều T, cư trú tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh được số tiền 800.000 đồng, chia nhau mỗi người 400.000 đồng, S tiêu xài còn lại 100.000 đồng, P tiêu xài còn lại 50.000 đồng.

Sáng ngày 31/10/2024, bị hại Nguyễn Văn Ô phát hiện bị mất trộm xe mô tô và đến Công an xã L trình báo. Sau khi tiếp nhận nguồn tin, Công an xã L tiến hành xác minh vụ việc, quản lý tài sản bị mất trộm là xe mô tô biển số 84B1-066.68 do chị Nguyễn Thị Kiều T giao nộp. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày 31/10/2024, S và P đến Công an xã L đầu thú và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Khi đầu thú, P giao nộp số tiền 50.000 đồng và một xe mô tô biển số 60C2-166.95; Sang giao nộp số tiền 100.000 đồng. Vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 35/KL.HĐĐG ngày 01/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, kết luận: Trị giá tài sản thiệt hại một xe mô tô biển số 84B1-066.68, hiệu FULJIR, loại Dream, màu nâu tại thời điểm bị mất trộm ngày 30/10/2024 là 2.500.000 đồng (Bút lục: 88-90).

Ngày 03/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố các bị cáo Trương Thanh S, Trần Tiến P về tội trộm cắp tài sản và ra lệnh tạm giam phục vụ công tác điều tra.

Ngày 19/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C tiến hành thực nghiệm điều tra. Kết quả thực nghiệm phù hợp với lời khai của các bị cáo, bị hại, người liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đối với Ông Văn P1, tại thời điểm cùng các bị cáo S và P trộm cắp tài sản, P1 chưa đủ 16 tuổi, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Công an xã L, huyện C đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với hình thức cảnh cáo.

Đối với chị Nguyễn Thị Kiều T, không có hứa hẹn trước với các bị cáo và khi mua xe mô tô cũng không biết xe mô tô là tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có nên không có cơ sở xử lý.

Vật chứng của vụ án: Đã trao trả cho ông Nguyễn Văn Ô một xe mô tô biển số 84B1-066.68 (kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy). Trao trả cho chị Nguyễn Thị Kiều T số tiền 150.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Văn Ô đã nhận lại xe mô tô bị mất trộm nên không yêu cầu bồi thường. Chị Nguyễn Thị Kiều T nhận lại số tiền 150.000 đồng, còn lại 650.000 đồng chị T không yêu cầu các bị cáo trả lại.

Tại bản Cáo trạng số: 10/CT-VKS-HS, ngày 21/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang quyết định truy tố các bị cáo Trương Thanh S và Trần Tiến P về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Trương Thanh S và Trần Tiến P khai nhận: Hành vi phạm tội của các bị cáo đúng bản Cáo trạng mô tả, các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung các bị cáo khai là tự nguyện, đúng sự thật, không ai ép buộc, các bị cáo không có ý kiến bổ sung hay khiếu nại gì về nội dung bản Cáo trạng mà thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa bị hại ông Nguyễn Văn Ô vắng mặt và có đơn xin vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kiều T, anh Ông Văn P1, người đại diện hợp pháp cho anh P1 là bà Ông Thị T1, đều vắng mặt và có đơn xin vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên ông Hứa Văn B đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trương Thanh S và Trần Tiến P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Trương Thanh S từ 09 tháng đến 18 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 31 tháng 10 năm 2024.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Tiến P từ 06 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 31 tháng 10 năm 2024.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn Ô là bị hại và chị Nguyễn Thị Kiều T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không yêu cầu các bị cáo

bồi thường thiệt hại tài sản nên không giải quyết. Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc các bị cáo nộp án phí hình sự.

Bị cáo Trương Thanh S và Trần Tiến P nói lời sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa, các bị cáo Trương Thanh S và Trần Tiến P khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo đúng bản Cáo trạng mô tả, phù hợp với lời khai, biên bản hỏi cung của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Khoảng 22 giờ 20 phút ngày 30/10/2024, tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh, các bị cáo Trương Thanh S, Trần Tiến P có hành vi trộm cắp tài sản là một xe mô tô biển số 84B1-066.68, hiệu FULJIR, loại Dream, màu nâu của ông Nguyễn Văn Ô, sinh năm 1971, ngụ ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh đang dựng trước sân nhà. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày 31/10/2024, các bị cáo S và P đến Công an xã L đầu thú và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 35/KL.HĐĐG ngày 01/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, kết luận: Trị giá tài sản thiệt hại một xe mô tô biển số 84B1-066.68, hiệu FULJIR, loại Dream, màu nâu tại thời điểm bị mất trộm ngày 30/10/2024 là 2.500.000 đồng. Bút lục số 88-90.

Từ đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Trương Thanh S và Trần Tiến P phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật. Những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi vì tài sản hợp pháp của công dân là quyền bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm tài sản của người khác mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu là vi phạm pháp luật. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, có sức khỏe để tham gia lao động, tạo ra của cải vật chất để nuôi sống bản thân và giúp ích gia đình, nhưng các bị cáo không làm được việc này, vì muốn có tiền tiêu xài mà không phải qua lao động, các bị cáo Trương Thanh S, Trần Tiến P đã lén lút giữa đêm

khuya trộm cắp xe mô tô biển số 84B1-066.68 của ông Nguyễn Văn Ô trị giá 2.500.000 đồng, từ đó đã dẫn các bị cáo đến con đường phạm tội.

- *Về tình tiết tăng nặng*: Bị cáo Trương Thanh S có 01 tình tiết tăng nặng là “Tái phạm”, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Tiến P không có tình tiết tăng nặng.

- *Về tình tiết giảm nhẹ*: Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo P phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo đều thủ sau khi thực hiện hành vi phạm tội. Do đó bị cáo S được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo P được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm hoàn thành, hậu quả đã xảy ra, các bị cáo trộm cắp tài sản là xe mô tô của bị hại mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân là hành vi đáng lên án, gây ra sự bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương, làm cho quần chúng nhân dân không an tâm lao động, sản xuất, gây ra dư luận không tốt trong đời sống xã hội.

Đối với bị cáo Trương Thanh S: Có nhân thân xấu, tại Bản án số 05/2022/HSST ngày 07/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xử phạt bị cáo Trương Thanh S 02 năm 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự. Tại Bản án số 15/2022/HSST ngày 04/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xử phạt bị cáo Trương Thanh S 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 03 năm 03 tháng tù. Bị cáo Trương Thanh S chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/10/2024 thì đến ngày 30/10/2024 bị cáo cùng P thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nêu trên. Qua đó bị cáo S không biết khắc phục chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật để làm người công dân sống lương thiện, mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp “Tái phạm”, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, do đó bị cáo S phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo P.

Đối với bị cáo Trần Tiến P: Khi nghe bị cáo S rủ đi trộm cắp tài sản bị cáo không ngăn cản bị cáo S mà nhận lời ngay, bị cáo sử dụng xe mô tô biển số 60C2-166.95 của bị cáo để chở S và P1 đi tìm tài sản để lấy trộm. Sau khi bị cáo S lấy trộm được xe mô tô của ông Ô, bị cáo điều khiển xe mô tô đẩy xe vừa trộm được rời khỏi hiện trường, sau đó bị cáo cùng S bán xe mô tô vừa trộm được để lấy tiền chia nhau tiêu xài, hành vi của bị cáo P phạm tội có tính chất đồng phạm với bị cáo S về tội trộm cắp tài sản. Xét về nhân thân, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền hành tiền sự, nên bị cáo phải chịu mức hình phạt thấp hơn bị cáo S.

Căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân các bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định xử phạt các bị cáo một mức hình phạt tù nhất định, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt.

[2]. Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại ông Nguyễn Văn Ô trình bày là ông đã nhận lại xe mô tô biển số 84B1-066.68 bị mất trộm, nay ông không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Nguyễn Thị Kiều T nhận lại số tiền 150.000 đồng, còn lại 650.000 đồng chị T cũng không yêu cầu các bị cáo trả lại. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về xử lý vật chứng: Xét thấy xe mô tô biển số 60C2-166.95, hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh trắng, dung tích xi lanh 134cm³, số khung RLCE55P10DY215973, số máy 55P1215986, xe đã qua sử dụng, bị trầy xước nhiều vị trí, xe mô tô này do bị cáo P mua, các bị cáo đã sử dụng xe mô tô này để làm phương tiện trộm cắp tài sản. Hội đồng xét xử quyết định tuyên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

[4]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Trương Thanh S và Trần Tiến P, mỗi bị cáo có nghĩa vụ nộp 200.000 đồng.

[5]. Xét lời luận tội của Kiểm sát viên trình bày về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm nêu trên là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trương Thanh S và Trần Tiến P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trương Thanh S 01 (một) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 31 tháng 10 năm 2024.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Tiến P 09 (chín) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 31 tháng 10 năm 2024.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: Xe mô tô biển số 60C2-166.95, hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh trắng, dung tích xi lanh 134cm³, số khung RLCE55P10DY215973, số máy 55P1215986, không có gương chiếu hậu bên phải và bên trái, chìa khóa cắm sẵn trong ổ khóa xe, xe đã qua sử dụng, bị trầy xước nhiều vị trí.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Trương Thanh S và Trần Tiến P mỗi bị cáo có nghĩa vụ nộp 200.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm